

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2021/HS-PT

Ngày: 02/6/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huệ

Các Thẩm phán: 1. Bà Lê Thị Dung

2. Bà Lê Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Xuân Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 90/2021/TLPT-HS ngày 16 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo Bùi Thị H và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo Bùi Thị H, Đinh Mạnh H1, Bùi Thị Duyên, Đặng Thị H2 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2021/HS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Bùi Thị H; sinh năm 1957; tại xã T, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Khu 2, thị trấn K, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn Ph; (đã chết); con bà: Bùi Thị A (đã chết) có chồng là Đinh Mạnh D; có 04 con, lớn nhất sinh năm 1981, con nhỏ nhất sinh năm 1989; tiền án. Tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2019 đến ngày 17/01/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, sau đó bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến ngày 09/03/2021 bị bắt tạm giam theo lệnh của Tòa án, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

2. Đinh Mạnh H1; sinh ngày 09 tháng 06 năm 1987; tại xã T, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Khu 2, thị trấn K, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đinh Mạnh D; sinh năm 1957; con bà: Bùi Thị H; sinh năm 1957; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm

giữ từ ngày 26/12/2019 đến ngày 27/12/2019 được trả tự do, sau đó bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt.

3. Bùi Thị D; sinh năm 1983; tại xã T, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Đ, xã T, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Hồng D (đã chết); con bà: Bùi Thị Kh; sinh năm 1954; Không có chồng; có 01 sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; Bị can bị tạm giữ 09 ngày kể từ ngày 26/12/2019 đến ngày 03/01/2020 được trả tự do, sau đó bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến ngày 09/03/2021 bị bắt tạm giam theo lệnh của Tòa án; hiện đang tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

4. Đặng Thị H2; sinh năm 1961; tại huyện Y, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: khu 1 (trước đây là Thôn 1), thị trấn K, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Văn Đ (đã chết); con bà: Bùi Thị Ph (đã chết); có chồng đã ly hôn; có 04 con, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2019 đến ngày 17/01/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, sau đó bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến ngày 09/03/2021 bị bắt tạm giam theo lệnh của Tòa án; hiện đang tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo Bùi Thị H, bị cáo Đặng Thị H2, bị cáo Bùi Thị D là: Ông Bùi Hữu Ng - Luật sư văn phòng Luật sư B - Thuộc đoàn luật sư tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

* Người làm chứng:

1. Anh Bùi Văn X, sinh năm: 1991, vắng mặt

2. Anh Quách Văn H3, sinh năm 1992, vắng mặt

Đều có địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quách Thị Th, sinh năm 1982, có mặt

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện Nh, tỉnh Thanh Hóa

4. Hà Thị K, sinh năm 1981, vắng mặt

Địa chỉ: Bản Chai, xã Ch, huyện M, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 25/12/2019, do đã thống nhất từ trước với Bùi Văn X, sinh năm 1991, trú tại thôn C, xã Th về việc liên hệ, tìm chỗ mua dâm nên Quách Văn H3, sinh năm 1992, trú cùng thôn gọi điện cho Bùi Thị D, sinh năm 1983, trú tại thôn Đ, xã Th, huyện Th nhờ D tìm cho 02 gái bán dâm.

Nhận được yêu cầu của H3, D đồng ý bảo H3, X đến Nhà nghỉ HD đợi, rồi gọi điện thoại cho Bùi Thị H, sinh năm 1957 là chủ nhà nghỉ HD thông báo có 02 khách đến mua dâm, nói bà H gọi 02 gái bán dâm đến bán dâm cho khách. Được D giới thiệu khách, H gọi điện cho Đặng Thị H3, sinh năm 1961, trú tại thôn 1 thị trấn K để hỏi tìm gái bán dâm rồi tiếp tục gọi điện cho con trai là Đinh Mạnh H1, sinh năm 1987 thông báo và nhờ H1 sắp xếp, bố trí phòng cho khách mua dâm, do lúc này H không có mặt tại Nhà nghỉ. Nghe điện thoại của H, H2 đồng ý và bảo Quách Thị Th, sinh năm 1982, trú tại thôn Đn, xã N, huyện Nh, tỉnh Thanh Hóa và Hà Thị K, sinh năm 1981, trú tại Bản C, xã C, huyện M là 02 gái mại dâm đang ở tại nhà H đến Nhà nghỉ HD để bán dâm. Khi H3, X, Th và K đến Nhà nghỉ thì được H1 bố trí, sắp xếp cho Th bán dâm cho H3 ở phòng 204 còn K bán dâm cho X ở phòng 205 của Nhà nghỉ. Trong lúc, hai đôi nam nữ nêu trên đang quan hệ tình dục thì bị lực lượng Công an huyện Thạch Thành đến kiểm tra, phát hiện, lập biên bản vi phạm hành chính, thu giữ 02 ruột bao cao su đã qua sử dụng, 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu Ok đã bị xé rách.

Sau khi vụ việc bị phát giác, ngày 26/12/2019, Bùi Thị D và Đinh Mạnh H1 đã đến Công an huyện Thạch Thành đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của bản thân và đồng phạm. Trên cơ sở lời khai của D, H1, lời khai của H3, X, Th, K và các tài liệu, chứng cứ khác, Cơ quan điều tra đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Bùi Thị H, Đặng Thị H2 để tiến hành điều tra, làm rõ. Tại cơ quan điều tra, H và H2 cũng đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân và các bị can khác.

Mở rộng điều tra vụ án, Cơ quan điều tra còn xác định ngoài lần phạm tội nêu trên, vào khoảng 21 giờ ngày 21/12/2019, H3 và X nhờ D tìm chỗ mua dâm thì được D giới thiệu đến Nhà nghỉ HD để mua dâm với giá từ 400.000 đồng đến 500.000 đồng một người, rồi gọi điện thông báo cho H để H tìm gái mại dâm, bố trí, sắp xếp phòng nghỉ cho H3 và X. Nhận điện thoại của D, H cũng gọi điện cho H2 hỏi tìm gái mại dâm, sau đó, do có việc riêng phải ra ngoài nên H nhờ người khách thuê trọ là phụ nữ tên Th (hiện không xác định được nhân thân) sắp xếp phòng cho khách. Về phía H2, sau khi nghe điện thoại của H đã điều người tên HH (hiện không xác định được nhân thân) và Hà Thị K đến Nhà nghỉ HD bán dâm. Khi H3, X, HH và K đến Nhà nghỉ, đã được bà Th sắp xếp cho K bán dâm cho H2 ở phòng 201, HH bán dâm cho X ở phòng 202. Sau khi quan hệ tình dục, mua bán dâm xong, H3 và X đi xuống quầy lễ tân thì gặp H và Duyên, H2 đưa cho H 1.000.000 đồng tiền mua dâm của H3 và X, nhận tiền, H đưa cho HH 400.000 đồng tiền bán dâm, đưa cho D 400.000 đồng tiền môi giới, còn giữ lại 200.000 đồng.

Ngoài ra, Quách Thị Th và Hà Thị K còn khai đã nhiều lần khác được H điều động đi bán dâm tại nhà nghỉ HD và bán dâm tại nhà ở của H1. Tuy nhiên, Th và K không xác định được thời gian cụ thể, cơ quan điều tra cũng không xác định được người mua dâm, số tiền mua bán dâm; bản thân H2 và H không thừa nhận những lần này nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với người phụ nữ tên Th đã giúp H sắp xếp, bố trí phòng cho H3, X mua dâm với K và HH, trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của Th nên không có cơ sở để điều tra, xử lý.

Đối với Quách Văn H3, Bùi Văn X là những người mua dâm; Hà Thị K, Quách Thị Th là những người bán dâm, Công an huyện Thạch Thành đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với những người này theo quy định của pháp luật.

Đối với người bán dâm tên HH, quá trình điều tra Cơ quan điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của HH nên không xử lý được.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 02 ruột bao cao su đã qua sử dụng, 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu Ok màu đỏ, đã bị xé rách; 06 chiếc điện thoại di động.

Quá trình điều tra xác định, chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Glaxy T6, vỏ màu đồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme, vỏ màu tím than; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3 plus là tài sản hợp pháp của Hà Thị K và Quách Thị Th, không liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu. Những vật chứng còn lại hiện đang được bảo quản, chờ xử lý theo quy định

* Bản án số 12/2021/HS-ST ngày 15/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa:

- Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thị H và Đinh Mạnh H1 phạm tội “Chứa mại dâm”. Bị cáo Bùi Thị D và Đặng Thị H2 phạm tội “Môi giới mại dâm”.

- Áp dụng: Điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 327; điểm u khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Thị H.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị H 07 (bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày 09/03/2021. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2019 đến ngày 17/01/2020.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 327; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đinh Mạnh H1:

Xử phạt: Bị cáo Đinh Mạnh H1 18 (mười tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày bắt đi thi hành án. Bị cáo được trừ 01 ngày tạm giữ từ ngày 26/12/2019 đến ngày 27/12/2019.

- Áp dụng: Điểm d, đ khoản 2 Điều 328; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Thị Duyên và Đặng Thị H2.

Xử phạt: Bùi Thị D 06 (sáu) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày 09/03/2021. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2019 đến ngày 03/01/2020.

Xử phạt: Đặng Thị H2 06 (sáu) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt kể từ ngày 09/03/2021. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2019 đến ngày 17/01/2020.

Phạt tiền bổ sung bị cáo Bùi Thị H 20.000.000đ để sung quỹ nhà nước.

Áp dụng: Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 BLTTHS; Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Tịch thu tiêu hủy: 02 ruột bao cao su đã qua sử dụng, 02 vỏ bao cao su nhãn hiệu Ok màu đỏ, đã bị xé rách.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu PHILIPS, vỏ màu đen loại phím bấm, máy đã qua sử dụng. 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo 1801 vỏ màu đồng máy đã qua sử dụng. 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, loại phím bấm, vỏ màu xanh máy đã qua sử dụng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/6/2020 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành.

- Truy thu bị cáo H 200.000đ để sung quỹ nhà nước.

- Truy thu bị cáo D 400.000đ để sung quỹ nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Ngày 26/3/2021 bị cáo Bùi Thị H, Bùi Thị D, Đặng Thị H2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Đinh Mạnh H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã kết luận. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Hùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, hiện nay bị cáo đang bị bệnh hở van tim, bệnh u não, thiếu máu trầm trọng nên sức khỏe không tốt.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo không thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại giai đoạn phúc thẩm, cả 4 bị cáo đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm như bản án sơ thẩm đánh giá. Các bị cáo có đơn trình bày điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn có chính quyền địa phương xác nhận đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Chính quyền địa phương đề nghị cho bị cáo H1 được cải tạo tại địa phương, địa phương có trách nhiệm giám sát giáo dục. Bị cáo H đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền phạt bổ sung, tiền truy thu, tiền án phí; bị cáo D tự nguyện nộp tiền truy thu và tiền án phí; bị cáo H1 nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm. Vì vậy cả 4 bị cáo đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo H, H1, D, H2 sửa Bản án sơ thẩm theo hướng: Giảm cho bị cáo H2 từ 30 đến 36 tháng tù; Giảm cho bị cáo D và H2 mỗi bị cáo từ 27 đến 33 tháng tù; Giữ nguyên mức hình phạt 18 tháng tù và cho bị cáo H1 hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật.

- Cả bốn bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.
- Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.
- Các bị cáo nói lời sau cùng: Cả bốn bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình, thành khẩn khai báo và rất hối hận. Mong hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, bị cáo H1 xin được hưởng án treo để có điều kiện chữa bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm theo đúng quy định tại Điều 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo Bùi Thị H, Đinh Mạnh H1, Bùi Thị D, Đặng Thị H2 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình thể hiện như sau:

Vào khoảng 21 giờ 45 phút ngày 26/12/2021, tại nhà nghỉ HD, địa chỉ thị trấn K, huyện Th, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch Thành bắt quả tang hai đôi nam nữ đang mua bán dâm tại phòng số 204 là Quách Văn H3 và Quách Thị Th, phòng 205 là Bùi Văn X và Hà Thị K. Các bị cáo khai nhận hành vi cụ thể như sau: Bùi Thị H là chủ nhà nghỉ HD, sau khi nhận được điện thoại của Bùi Thị D giới thiệu có hai người muốn mua dâm là Quách Văn H3 và Bùi Văn X, thì H đã gọi điện thoại cho Đặng Thị H2 là người có gái bán dâm yêu cầu hai nhân viên đến bán dâm cho khách, H2 đã bảo Quách Thị Th và Hà Thị K đến nhà nghỉ HD để bán dâm. Hoàn gọi điện thoại cho con trai là Đinh Mạnh H1 và H1 đã xếp phòng cho khách mua dâm và gái bán dâm tại phòng 204 và 205.

Cũng hành vi tương tự vào tối ngày 21/12/2019, bị cáo D cũng gọi điện cho bị cáo H giới thiệu Quách Văn H3 và Bùi Văn X là hai người muốn mua dâm. H gọi điện thoại cho bị cáo H2 để tìm gái bán dâm và được H2 gọi gái bán dâm là Hà Thị K và HH (không xác định rõ nhân thân, địa chỉ) đến bán dâm tại nhà nghỉ HD. Khi H3, X, HH và K đến Nhà nghỉ, đã được bà Th (là khách thuê nhà nghỉ của H, không xác định được nhân thân và địa chỉ) sắp xếp cho K bán dâm cho H3 ở phòng 201, HH bán dâm cho X ở phòng 202. Sau khi quan hệ tình

dục, mua bán dâm xong, H3 và X đi xuống quầy lễ tân thì gặp H và D, H3 đưa cho H 1.000.000 đồng tiền mua dâm của H3 và X; nhận tiền, H đưa cho HH 400.000 đồng tiền bán dâm, đưa cho D 400.000 đồng tiền môi giới, còn giữ lại 200.000 đồng.

Với hành vi trên, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa đã xét xử bị cáo Bùi Thị H về tội "Chứa mại dâm" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự; bị cáo Đinh Mạnh H1 về tội "Chứa mại dâm" quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bùi Thị D và Đặng Thị H2 về tội "Môi giới mại dâm" quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo Bùi Thị H và Đinh Mạnh H1 cùng cố ý thực hiện tội “Chứa mại dâm”, tuy nhiên chỉ là đồng phạm giản đơn; Bị cáo H có vai trò chính, bị cáo H1 chỉ là giúp sức, thực hiện theo sự chỉ đạo của H, nên có vai trò thứ yếu. Đối với bị cáo Bùi Thị D và Đặng Thị H2 đều phạm tội “Môi giới mại dâm” nhưng hai bị cáo phạm tội độc lập, nên chịu trách nhiệm độc lập với hành vi phạm tội của mình.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của đối tượng mua bán dâm và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra. Tại phiên tòa sơ thẩm, cả bốn bị cáo đều không thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Tuy nhiên cấp sơ thẩm đủ căn cứ kết luận hành vi phạm tội của các bị cáo như cáo trạng truy tố và luận tội của Viện kiểm sát.

Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, cụ thể: Bị cáo H đã lập công trong giai đoạn điều tra; thân nhân, chồng bị cáo là người được tặng Huân chương chiến công hạng nhất, nhiều Huy chương chiến sỹ vẻ vang, Huy chương vì an ninh tổ quốc là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm u khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H1 sau khi phạm tội đã đến cơ quan điều tra đầu thú, bố bị cáo được tặng Huân chương chiến công hạng nhất, nhiều Huy chương chiến sỹ vẻ vang, Huy chương vì an ninh tổ quốc là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo D sau khi phạm tội đã đến cơ quan điều tra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Gia đình bị cáo H2 có công với cách mạng, anh trai Đặng Xuân Kh là Liệt sỹ, Bố mẹ bị cáo được tặng Huân, Huy chương nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Cả bốn bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự; nhưng cấp sơ thẩm xử phạt 07 năm tù đối với bị cáo H, 06 năm tù đối với bị cáo D và H2, 18 tháng tù đối với bị cáo H1 là có phần nghiêm khắc. Tại giai đoạn phúc thẩm, cả bốn bị cáo Bùi Thị H, Đinh Mạnh H1, Bùi Thị D, Đặng Thị H2 đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung khai trong giai đoạn điều tra, bản cáo trạng và bản án sơ thẩm kết luận; các bị cáo thực sự ăn năn hối hận về hành vi phạm tội. Các bị cáo đều có đơn xác nhận của chính

quyền địa phương về điều kiện hoàn cảnh khó khăn, người dân tộc thiểu số, bị cáo H và H2 tuổi đã cao, bị cáo D là lao động duy nhất nuôi con nhỏ (con sinh năm 2010). Bị cáo H, D, H1 tự nguyện nộp tiền phạt bổ sung, truy thu và án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm. Vì vậy cả bốn bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy các bị cáo có thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự; có cư trú rõ ràng. Chính quyền địa phương đề nghị cho bị cáo H1 được cải tạo tại địa phương, địa phương có trách nhiệm giám sát giáo dục; Đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H, D, H2. Vì vậy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật; Đối với bị cáo H1 có vai trò thứ yếu trong vụ án, chỉ giúp sức cho bị cáo H và không có mục đích hưởng lợi; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, chính quyền địa phương đề nghị cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, hiện đang bị bệnh hở van tim, dạ dày, thiếu máu, cần có thời gian điều trị, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, cho bị cáo H1 được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện bị cáo tự cải tạo và không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và cũng phù hợp với quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đề nghị chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H, D, H2 và giữ nguyên mức hình phạt tù cho bị cáo H1 hưởng án treo là có căn cứ.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo H, D, H2, H1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thị H, Bùi Thị D, Đặng Thị H2, Đinh Mạnh H1; sửa Bản án số 12/2021/HSST ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thị H và Đinh Mạnh H1 phạm tội “Chứa mại dâm”. Bị cáo Bùi Thị D, Đặng Thị H2 phạm tội “Môi giới mại dâm”.

- Căn cứ: Điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 327; điểm s, u khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Thị H.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị H 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giam 09/3/2021; nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2019 đến ngày 17/01/2020.

Phạt tiền bổ sung bị cáo Bùi Thị H 20.000.000đ để sung quỹ nhà nước.

- Căn cứ: Điểm d, đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Thị D và Đặng Thị H2.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị D 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bắt tạm giam 09/3/2021; nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2019 đến ngày 03/01/2020.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Thị H2 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bắt tạm giam 09/3/2021; nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/12/2019 đến ngày 17/01/2020.

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đinh Mạnh H1.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Mạnh H1 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 36 tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Đinh Mạnh H1 cho UBND thị trấn K, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

- Ghi nhận bị cáo Bùi Thị H đã tự nguyện nộp số tiền phạt bổ sung 20.000.000đ, tiền thu lợi bất chính 200.000đ, số tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ theo quyết định của bản án sơ thẩm tại Biên lai thu tiền số AA/01843 và số AA/01845 ngày 26/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Ghi nhận bị cáo Đinh Mạnh H1 đã tự nguyện nộp số tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ theo quyết định của bản án sơ thẩm tại Biên lai thu tiền số AA/01844 ngày 26/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Ghi nhận bị cáo Bùi Thị D đã tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính 400.000đ, số tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ theo quyết định của bản án sơ

thẩm tại Biên lai thu tiền số AA/01842 ngày 26/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

* Án phí phúc thẩm: Bị cáo Bùi Thị H, Bùi Thị D, Đặng Thị H2, Đinh Mạnh H1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

* Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

* Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CA tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp Thanh Hóa;
- VKS, TA, THAHS huyện Thạch Thành;
- THADS huyện Thạch Thành;
- Bị cáo;
- Tổ HC-TP
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Lê Thị Hiệu